

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST
Ngày 07 / 7 / 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Mừng;

Bà Đặng Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989, tại huyện P, tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị A; có vợ là Đoàn Thị C và 01 con sinh năm 2008;

Tiền án: Ngày 10/8/2017, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 07/6/2018, chưa chấp hành án phí;

Tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 12/4/2020 đến ngày 18/4/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Lê Hoàng Thanh P, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn T, sinh

năm 1963; nơi cư trú: Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

- Ông Huỳnh Văn X; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T1; vắng mặt.

- Bà Phan Mỹ L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/4/2020, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Vinasiam, biển số 61T9-2595 chạy từ nhà tại ấp L, xã L, huyện C đi tỉnh Bình Dương, tìm việc làm thuê. Khi đến khu vực ấp M, xã M, huyện C, Đ phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner X, biển số 67L2-391.72 của Lê Hoàng Thanh P dựng cặp lề đường, không người trông coi, trên xe còn gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Đ dừng xe mô tô dựng cặp lề đường, cách xe mô tô của P khoảng 01m, rồi đi bộ đến lén lấy trộm xe mô tô của P để chạy đi thì bị Huỳnh Văn X, Nguyễn Hữu T1 phát hiện bắt giữ Đ và trình báo Công an xã M.

- Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 67L2-391.72, nhãn hiệu Honda, loại Winner X, màu đen-bạc, đã trả lại cho Lê Hoàng Thanh P và 01 xe mô tô biển số 61T9-2595 của Nguyễn Văn Đ.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 14/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô biển số 67L2-391.72, nhãn hiệu Honda, loại Winner X, màu đen-bạc, trị giá 42.000.000 đồng.

Ngày 17/4/2020, Đ bị khởi tố để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSCM ngày 05 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bên cạnh đó, bị cáo còn khai, vào ngày xảy ra sự việc, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 61T9-2595 với mục đích tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bên cạnh đó, bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” do đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt do chưa dịch chuyển được tài sản bị chiếm đoạt. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, Điều 38, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 61T9-2595 của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận, khoảng 20 giờ ngày 11/4/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 61T9-2595 từ

nhà của bị cáo (thuộc ấp L, xã L, huyện C) đi tìm tài sản sơ hở lấy trộm. Khi đến khu vực ấp M, xã M, huyện C, bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 67L2-391.72 được dựng cặp lề đường, không người trông coi, trên xe còn gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo dựng xe mô tô biển số 61T9-2595 cặp lề đường rồi đi bộ đến xe mô tô biển số 67L2-391.72, ngồi lên xe, mở khóa để điều khiển đi thì hệ thống chống trộm của xe mô tô biển số 67L2-391.72 báo động. Ngay lúc đó, có 02 người thanh niên đến hỏi bị cáo nguồn gốc xe mô tô rồi giữ bị cáo và trình báo Công an xã M.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/4/2020 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của ông Lê Hoàng Thanh P về việc có dựng xe mô tô biển số 67L2-391.72 trước nhà người dân ở khu vực ấp M, xã M, huyện C và vào nhà người dân trong hẻm có việc. Một lúc sau, ông P được bà Phan Mỹ L cho biết xe bị người khác lấy nhưng bị phát hiện. Ông P đến nơi xe mô tô biển số 67L2-391.72 được dựng thì thấy xe mô tô vẫn còn tại vị trí cũ và bị cáo đang bị người dân bắt giữ; lời khai của ông Huỳnh Văn X, ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Mỹ L về việc phát hiện bị cáo lên lấy trộm xe mô tô biển số 67L2-391.72 nhưng bị hệ thống chống trộm của xe mô tô báo động. Khi đó, ông X, ông T1 đến hỏi bị cáo nguồn gốc xe mô tô rồi giữ bị cáo giao Công an xã M.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 67L2-391.72 bị chiếm đoạt; 01 xe mô tô biển số 61T9-2595 được bị cáo sử dụng làm phương tiện tìm tài sản chiếm đoạt.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lên lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 67L2-391.72 của ông P.

Theo Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 14/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, 01 xe mô tô biển số 67L2-391.72, nhãn hiệu Honda, loại Winner X, màu đen - bạc, trị giá 42.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông P là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng tài sản không có người trông coi, nói dối nguồn gốc xe khi bị phát hiện và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp

với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”. Bị cáo có nhân thân không tốt do nghiện ma túy. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo chỉ mới ngồi lên xe mô tô, mở khóa để tẩu thoát thì thiết bị chống trộm của xe mô tô vang lên, bị phát hiện, bắt giữ nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo Điều 15 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại 01 xe mô tô biển số 67L2-391.72 bị chiếm đoạt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- Đối với xe mô tô biển số 61T9-2595, mặc dù, ông Trần Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy nhưng ông T xác định xe mô tô này đã được bán lại cho người lạ tên Nguyễn Văn Đ với giá 1.000.000 đồng vào năm 2018 chưa làm thủ tục sang tên. Đồng thời, bị cáo khai đã mua xe mô tô từ người lạ cách ngày xảy ra sự việc hơn 1 năm với giá 1.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên. Cho nên, có căn cứ xác định bị cáo là người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe mô tô biển số 61T9-2595 vào ngày xảy ra sự việc.

Do bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 61T9-2595 làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 61T9-2595 theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại xe mô tô biển số 67L2-391.72 bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ: 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 12/4/2020 (*ngày mười hai, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 61T9-2595, số máy: 000731, số khung: RLHKC3719LY002495 (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Hoàng Thanh P, ông Trần Văn T1 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình